

4. Kết quả quan trắc bùn thải:

4.1. Kết quả quan trắc chất lượng bùn thải của cơ sở năm 2022:

- Đơn vị quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc bùn thải của cơ sở năm 2022

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Kết quả hàm lượng tuyệt đối	QCVN 50:2013/BTNMT	
			BT	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)
01	As*	ppm	< 0,33	8,4	40
02	Cd*	ppm	2,86	2,1	10
03	Pb*	ppm	< 2	63	300
04	Zn*	ppm	6,00	1050	5.000
05	Ni	ppm	< 1,3	294	1.400
06	Hg	ppm	< 0,5	0,84	4

BT: Mẫu bùn thải tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải

Nhận xét:

Từ bảng kết quả phân tích cho thấy tất cả các thông số đều có giá trị nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép theo **QCVN 50:2013/BTNMT** - Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc.

4.2. Kết quả quan trắc chất lượng bùn thải của cơ sở năm 2023:

- Đơn vị quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình.

Bảng 5. 7. Kết quả quan trắc bùn thải của cơ sở năm 2023

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Kết quả hàm lượng tuyệt đối		QCVN 50:2013/BTNMT	
			BT1	BT2	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)
01	As*	ppm	< 0,33	< 0,33	8,4	40
02	Cd*	ppm	< 0,5	< 0,5	2,1	10
03	Pb*	ppm	< 2	< 1,6	63	300
04	Zn*	ppm	81,78	13,47	1.050	5.000

05	Ni	ppm	3,57	< 1,3	294	1.400
06	Hg	ppm	< 0,5	< 0,5	0,84	4

BT1: Bùn thải tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải.

BT2: Bã lọc men thải lấy tại kho lưu trữ.

Nhận xét:

Từ bảng kết quả phân tích cho thấy tất cả các thông số đều có giá trị nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép theo **QCVN 50:2013/BTNMT** - Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc.

Kết luận:

Bùn thải và bã lọc thải của của công ty không phải là CTNH.

Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, Công ty đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong quá trình hoạt động như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

- Căn cứ Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án đã được cấp giấy phép thành phần nên công trình xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 8.000 kg/h của cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

- Cơ sở chỉ vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 16.000kg/h.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ

2.1.1. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ:

Căn cứ theo Điểm a Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP như sau:

- Số điểm quan trắc: 02 điểm.
- Vị trí quan trắc:
 - + 01 điểm nước thải trước khi qua hệ thống xử lý.
 - + 01 điểm nước thải sau khi qua hệ thống xử lý.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần và đột xuất khi có sự cố.
- Thông số quan trắc: các thông số theo nội dung cấp phép.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A giá trị Cmax).

2.1.2. Chương trình quan trắc khí thải định kỳ:

- Số điểm quan trắc: 02 điểm.
- Vị trí quan trắc:
 - + 01 điểm khí thải ống khói lò hơi công suất 8.000kg/h.
 - + 01 điểm khí thải ống khói lò hơi công suất 16.000kg/h.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần và đột xuất khi có sự cố.
- Thông số quan trắc: các thông số theo nội dung cấp phép.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục của cơ sở được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; cụ thể:

- Thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục được quy định tại số thứ tự 2 Cột 3 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; gồm có:

+ Thông số quan trắc nước thải đầu vào: Lưu lượng.

+ Thông số quan trắc nước thải đầu ra: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hằng năm của cơ sở khoảng 100 triệu đồng.

Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất từ năm 2020 đến trước thời điểm lập báo cáo không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.